# Phụ lục IV

**BẢNG TÍNH TOÁN ĐIỂM CÁC TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG (USE-CASE)**

**Tên phần mềm...............................**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại** | **Số trường hợp sử dụng** | **Điểm của từng loại trường hợp sử dụng** |
| **1** | **B** |  |  |
|  | Đơn giản |  |  |
|  | Trung bình |  |  |
|  | Phức tạp |  |  |
| **2** | **M** |  |  |
|  | Đơn giản |  |  |
|  | Trung bình |  |  |
|  | Phức tạp |  |  |
| **3** | **T** |  |  |
|  | Đơn giản |  |  |
|  | Trung bình |  |  |
|  | Phức tạp |  |  |
|  | **Cộng 1+2+3** | TBF |  |

Trường hợp sử dụng được phân nhóm bằng cách kết hợp 02 phương pháp phân loại như sau:

1. Theo mức độ:

* Trường hợp sử dụng loại B: Mô tả chức năng cơ bản.
* Trường hợp sử dụng loại M: Mô tả chức năng mở rộng.
* Trường hợp sử dụng loại T: Mô tả chức năng nâng cao.

1. Theo độ phức tạp:

* Trường hợp sử dụng loại đơn giản: Có số lượng giao dịch <4
* Trường hợp sử dụng loại trung bình: Có số lượng giao dịch từ 4 đến 7
* Trường hợp sử dụng loại phức tạp: Có số lượng giao dịch >7

Điểm của từng loại trường hợp sử dụng được tính theo công thức:

Trọng số

Điểm của từng loại trường hợp sử dụng

Số trường hợp sử dụng

Hệ số BMT

=

x

x

x

Trọng số và hệ số

Trọng số và hệ số BMT được quy định như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại trường hợp sử dụng** | **Trọng số** | **Hệ số BMT** |
| 1 | **B** |  |  |
|  | Đơn giản | 5 | 1 |
| Trung bình | 10 | 1 |
| Phức tạp | 15 | 1 |
| 2 | **M** |  |  |
|  | Đơn giản | 5 | 1,2 |
| Trung bình | 10 | 1,2 |
| Phức tạp | 15 | 1,2 |
| 3 | **T** |  |  |
|  | Đơn giản | 5 | 1,5 |
| Trung bình | 10 | 1,5 |
| Phức tạp | 15 | 1,5 |